

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 22 /2018/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 20 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TÂY NINH

Số: 551

ĐẾN

Ngày: 26/6/18

Chuyển: Các phòng, các huyện

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;
Căn cứ Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 78/TTr-STC ngày 23 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 và thay thế Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *lg*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng
Dương Văn Thắng

(Dương Thảo 2018 91. CVVP)

QUY ĐỊNH
Mức chi công tác phí, chi hội nghị
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND,
ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy định này thì áp dụng theo các quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với chế độ công tác phí

Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ; Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân (sau đây gọi chung là người đi công tác).

2. Đối với chế độ chi hội nghị

a) Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

b) Kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân;

c) Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ;

đ) Đối với hội nghị cấp ủy (Hội nghị Ban Chấp hành, hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các huyện, thành ủy và các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các Đảng ủy xã và các Đảng ủy trực thuộc huyện, thành ủy; hội nghị sơ, tổng kết do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các huyện, thành ủy và các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy triệu tập), họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân các cấp, hội nghị triển khai kế hoạch năm, sơ kết 6 tháng của Ủy ban nhân dân các cấp cũng được áp dụng chế độ chi hội nghị theo quy định này;

e) Riêng các Đại hội và hội nghị khác có quy định riêng thì thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

Chương II

MỨC CHI CÔNG TÁC PHÍ

Điều 3. Mức khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác

Đối với người đi công tác không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện tối đa 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 4. Phụ cấp lưu trú

1. Trường hợp đi công tác trong tỉnh cách trụ sở cơ quan phải đạt số km

a) Đi và về trong ngày (đảm bảo tối thiểu từ 01 buổi trở lên tính theo giờ hành chính):

Từ 06 km đến dưới 15 km: 60.000 đồng/ngày/người;

Từ 15 km đến dưới 30 km: 80.000 đồng/ngày/người;

Từ 30 km trở lên: 100.000 đồng/ngày/người.

b) Nghỉ lại nơi công tác: 150.000 đồng/ngày/người.

2. Trường hợp đi công tác ngoài tỉnh

a) Đi và về trong ngày: 150.000 đồng/ngày/người.

b) Nghỉ lại nơi công tác:

Tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: 200.000 đồng/ngày/người;

Tại các huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh: 170.000 đồng/ngày/người.

3. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú tối đa 250.000 đồng/ngày/người thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc và những ngày đi, về trên biển, đảo); trong trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ chi bồi dưỡng khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.

Điều 5. Mức chi tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

Tất cả cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cơ quan, đơn vị cử đi công tác, khi phát sinh việc thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác thì được thanh toán theo một trong hai hình thức, như sau:

1. Thanh toán theo hình thức khoán

a) Đối tượng 1: Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội mức tối đa 1.000.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác;

b) Đối tượng 2: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách và các chức danh là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy mức tối đa 700.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác;

c) Đối tượng 3: Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại

Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh mức tối đa 450.000 đồng/ngày/người;

Đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh mức tối đa 350.000 đồng/ngày/người;

Đi công tác tại các vùng còn lại mức tối đa 300.000 đồng/ngày/người.

d) Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hỏa, ô tô) từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm tối đa bằng 50% mức khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoản tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác.

2. Thanh toán theo hóa đơn thực tế

Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản 1 Điều này thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) như sau:

a) Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh

Đối với đối tượng 1 được thanh toán mức giá thuê phòng nghỉ tối đa 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng;

Đối với đối tượng 2 được thanh toán mức giá thuê phòng nghỉ tối đa 900.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng;

Đối với đối tượng 3 được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế của khách sạn thông thường, nhưng mức thanh toán tối đa 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

b) Đi công tác tại các vùng còn lại

Đối với đối tượng 1 được thanh toán mức giá thuê phòng nghỉ tối đa 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng;

Đối với đối tượng 2 được thanh toán mức giá thuê phòng nghỉ tối đa 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng;

Đối với đối tượng 3 được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế của khách sạn thông thường, nhưng mức thanh toán tối đa 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

c) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng 3 đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẽ người hoặc lẽ người khác giới, thì được thuê phòng riêng theo mức tối đa 1.000.000 đồng/ngày/phòng nhưng không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng);

d) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng 3 đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn 1 người/phòng, thì được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng Standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 2 người/phòng;

đ) Các mức chi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại khoản này là mức chi đã bao gồm các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Mức khoán tiền công tác phí theo tháng

1. Đối với cán bộ, công chức và người lao động cấp xã, phường, thị trấn thường xuyên phải đi công tác lưu động trong huyện, thành phố trên 10 ngày/tháng; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, thành phố phải thường xuyên đi công tác lưu động trong tỉnh trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch; cán bộ kiểm lâm đi kiểm tra rừng; cán bộ các cơ quan tổ tụng đi điều tra, kiểm sát, xác minh, tổng đạt và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác); thì tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe tối đa 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

2. Các đối tượng được hưởng khoán tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Quy định này; đồng thời vẫn được

hưởng khoản tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.

Chương II **MỨC CHI HỘI NGHỊ**

Điều 7. Chi hỗ trợ đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp

1. Hội nghị cấp tỉnh

a) Chi hỗ trợ tiền ăn theo mức khoán như sau:

Đại hội theo nhiệm kỳ mức tối đa 150.000 đồng/ngày/người;

Hội nghị tổng kết năm mức tối đa 120.000 đồng/ngày/người;

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hội nghị Ban Chấp hành, hội nghị Ban Thường vụ các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (trừ các huyện, thành ủy); hội nghị sơ, tổng kết do Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (trừ các huyện, thành ủy) triệu tập; họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hội nghị triển khai kế hoạch năm, sơ kết 6 tháng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mức tối đa 120.000 đồng/ngày/người;

Hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác của các cơ quan, đơn vị mức tối đa 100.000 đồng/ngày/người.

b) Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ theo mức thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế mức tối đa 350.000 đồng/ngày/người;

c) Chi nước uống mức tối đa 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu;

d) Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại theo giá cước vận tải ô tô hành khách công cộng thông thường tại địa phương cho số km thực đi do thủ trưởng cơ quan tổ chức hội nghị quyết định;

đ) Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên đối với các cuộc họp tập huấn nghiệp vụ, các lớp phổ biến, quán triệt triển khai cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; chi bồi dưỡng báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị theo mức chi quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước;

e) Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.

2. Hội nghị các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện)

a) Chi hỗ trợ tiền ăn theo mức khoán như sau:

Đại hội theo nhiệm kỳ mức tối đa 140.000 đồng/ngày/người;

Hội nghị tổng kết năm mức tối đa 110.000 đồng/ngày/người;

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố, hội nghị Ban Thường vụ huyện, thành ủy, hội nghị Ban Chấp hành, hội nghị Ban Thường vụ các Đảng ủy trực thuộc huyện, thành ủy (trừ các Đảng ủy xã); hội nghị sơ, tổng kết do Ban Thường vụ huyện, thành ủy triệu tập; họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hội nghị triển khai kế hoạch năm, sơ kết 6 tháng của Ủy ban nhân dân cấp huyện mức tối đa 110.000 đồng/ngày/người;

Hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác của các cơ quan, đơn vị mức tối đa 100.000 đồng/ngày/người.

b) Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ theo mức thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế mức tối đa 300.000 đồng/ngày/người;

c) Chi nước uống mức tối đa 15.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu;

d) Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại theo giá cước vận tải ô tô hành khách công cộng thông thường tại địa phương cho số km thực đi do thủ trưởng cơ quan tổ chức hội nghị quyết định;

đ) Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên đối với các cuộc họp tập huấn nghiệp vụ, các lớp phổ biến, quán triệt triển khai cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; chi bồi dưỡng báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị theo mức chi quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước;

e) Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.

3. Hội nghị các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã)

a) Chi hỗ trợ tiền ăn theo mức khoán như sau:

Đại hội theo nhiệm kỳ, hội nghị tổng kết năm, hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ xã, hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy xã, hội nghị triển khai kế hoạch năm, sơ kết 6 tháng của Ủy ban nhân dân cấp xã; họp của Ủy ban nhân dân cấp xã để chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp xã; hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác của các cơ quan, đơn vị mức tối đa 100.000 đồng/ngày/người.

b) Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ mức tối đa 250.000 đồng/ngày/người;

c) Chi nước uống mức tối đa 15.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu;

d) Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại theo giá cước vận tải ô tô hành khách công cộng thông thường tại địa phương cho số km thực đi do thủ trưởng cơ quan tổ chức hội nghị quyết định;

đ) Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên đối với các cuộc họp tập huấn nghiệp vụ, các lớp phổ biến, quán triệt triển khai cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; chi bồi dưỡng báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị theo

mức chi quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước;

e) Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.

Điều 8. Chi cho đại biểu có trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp

1. Hội nghị cấp tỉnh

a) Chi hỗ trợ tiền ăn

Đại hội theo nhiệm kỳ mức tối đa 150.000 đồng/ngày/người;

Hội nghị tổng kết năm, hội nghị cấp ủy (Hội nghị Ban Chấp hành, hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; hội nghị sơ, tổng kết do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy triệu tập); họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hội nghị triển khai kế hoạch năm, sơ kết 6 tháng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mức tối đa 120.000 đồng/ngày/người;

Hội nghị sơ kết tổng kết chuyên đề, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác của các cơ quan, đơn vị mức tối đa 100.000 đồng/ngày/người.

b) Chi nước uống: mức tối đa 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

2. Hội nghị cấp huyện

a) Chi hỗ trợ tiền ăn

Đại hội theo nhiệm kỳ mức tối đa 140.000 đồng/ngày/người;

Hội nghị tổng kết năm, hội nghị cấp ủy (Hội nghị Ban Chấp hành, hội nghị Ban Thường vụ các huyện, thành ủy, các Đảng ủy trực thuộc huyện, thành ủy; hội nghị sơ, tổng kết do Ban Thường vụ các huyện, thành ủy triệu tập); họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hội nghị triển khai kế hoạch năm, sơ kết 6 tháng của Ủy ban nhân dân cấp huyện mức tối đa 110.000 đồng/ngày/người;

Hội nghị sơ kết tổng kết chuyên đề, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác của các cơ quan, đơn vị mức tối đa 100.000 đồng/ngày/người.

b) Chi nước uống: mức tối đa 15.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

3. Hội nghị cấp xã

a) Chi hỗ trợ tiền ăn

Đại hội theo nhiệm kỳ, hội nghị tổng kết năm, hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, hội nghị triển khai kế hoạch năm, sơ kết 6 tháng của Ủy ban nhân dân cấp xã; họp của Ủy ban nhân dân cấp xã để chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp xã; hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác của các cơ quan, đơn vị mức tối đa 100.000 đồng/ngày/người.

b) Chi nước uống: mức tối đa 15.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

4. Đại biểu có trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ tiền ăn trong trường hợp nấu ăn tập trung theo quy định tại điểm a của các khoản 1, 2, 3 Điều này không được thanh toán tiền phụ cấp lưu trú tại cơ quan, đơn vị cử đi công tác.

Điều 9. Chi hỗ trợ đại biểu dự hội nghị là những người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã khi tham gia các hội nghị của cấp tỉnh, huyện, xã được hỗ trợ tiền ăn bằng 50% mức chi khoán được quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 7 Quy định này.

2. Trường hợp phải tổ chức nấu ăn tập trung thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định này.

Điều 10. Chi cho các cuộc họp thường xuyên của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; họp sơ kết theo định kỳ hàng tháng, quý của cơ quan, đơn vị

Chi tiền nước uống cho đại biểu tham dự mức tối đa 15.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ vào mức chi quy định tại Quy định này và các nội dung quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán ngân sách được giao (hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác) và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính căn cứ mức chi cụ thể tại Quy định này để quyết định mức chi công tác phí, chi hội nghị theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực.

3. Đối với các hội nghị được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, thì khuyến khích vận dụng thực hiện chế độ chi tiêu hội nghị theo Quy định này nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp khả năng ngân sách của đơn vị.

Các doanh nghiệp nhà nước được vận dụng theo Quy định này để thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện theo chương trình, đề án, dự án cụ thể, nếu có phát sinh nhiệm vụ chi công tác phí, hội nghị phí thì phải thực hiện theo đúng mức chi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chương trình, đề án, dự án phê duyệt.

4. Những khoản chi công tác phí, chi hội nghị không đúng quy định tại Quy định này khi kiểm tra phát hiện, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan thanh tra có quyền xuất toán và yêu cầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm hoàn trả nguồn kinh phí đã chi hoặc thu hồi nộp ngân sách nhà nước. Người ra lệnh chi sai phải bồi hoàn toàn bộ số tiền chi sai đó cho cơ quan, đơn vị, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã báo cáo về Sở Tài chính tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PMO CHỦ TỊCH *lgr*



[Signature]
Dương Văn Thắng